

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 11 – 9 - 2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về con chung
khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Khoa

Ông Phạm Văn Sóng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 405/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 218/2020/QĐST- HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Cao Thị Phương T; Nơi cư trú: Thôn 1A, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thế D; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Học viện chính trị Q- H, H; Nơi ở: Thôn 1A, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và Bản tự khai và các lời trình bày tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là chị Cao Thị Phương Thành trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thế D kết hôn với nhau trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 04 tháng 10 năm 2004. Sau khi kết hôn vợ chồng mua đất làm nhà và ăn ở tại thôn 1A, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Trong quá trình chung

sống vợ chồng thường hay xảy ra mâu thuẫn bất đồng quan điểm trong cách sống, lối sống và suy nghĩ, tuy nhiên vì các con còn nhỏ nên cả hai bên đã cố gắng khắc phục nhưng cho đến nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng và không thể hàn gắn được nữa. Nguyên nhân cũng chỉ do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm trong mọi vấn đề của cuộc sống gia đình, vợ chồng ngày càng không có tiếng nói chung nên dẫn đến tình cảm vợ chồng thờ ơ lạnh nhạt, không còn quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được gia đình bố mẹ khuyên giải rất nhiều nhưng không có kết quả cuộc sống chung ngày càng căng thẳng nặng nề, bản thân anh D cũng đã nhiều lần chủ động đề nghị ly hôn và đã viết đơn ly hôn, nay để giải phóng cho nhau chị Cao Thị Phương T đề nghị Tòa án giải quyết xin ly hôn anh Nguyễn Thế D.

Về con chung: Chị Cao Thị Phương T trình bày vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Cao M, sinh ngày 16/7/2007 và Nguyễn Đức N, sinh ngày 08/02/2012, khi ly hôn nguyện vọng của chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cả hai con chung. Vì lý do từ khi chị mang thai hai con do điều kiện công tác anh D là giảng viên trong quân đội thường xuyên công tác xa nhà, bản thân chị gần như phải chăm sóc con một mình, chỉ có thời gian nghỉ cuối tuần mới có điều kiện về nhà thăm vợ con, nên mẹ con chị có tình cảm gắn bó đặc biệt có những lúc chị vừa làm mẹ, vừa làm bố. Mặt khác các con chị đã quen với môi trường cuộc sống, học tập chỉ có mẹ, vì vậy chị T đề nghị Tòa án xem xét giải quyết giao cả hai con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cả hai con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau này hai con lớn hơn học đại học chị sẽ để các con sống cùng anh D.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng từ 2 đến 3 triệu đồng cho đến khi cả hai con chung trưởng thành đủ 18 có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có tài sản chung gồm: 01 diện tích đất 100m² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất địa chỉ thửa đất tại thôn 1A, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chị Cao Thị Phương T, ngoài các tài sản trên vợ chồng không còn loại tài sản chung nào khác. Khi ly hôn nguyện vọng của chị T là để chị và anh D tự thỏa thuận giải quyết với nhau nếu sau này không thỏa thuận được sẽ có đơn đề nghị Tòa án giải quyết sau.

- Về vay nợ chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có vay nợ chung của hai bên gia đình khi ly hôn chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết mà để hai bên tự thỏa thuận giải quyết với nhau.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Thế D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất với lời trình bày của chị Cao Thị Phương T về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, tuy nhiên đến thời gian tiếp theo trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và căng thẳng, nguyên nhân là do quan điểm sống trái ngược nhau, chị T ít quan tâm, chăm sóc gia đình chồng con và các công việc chung của hai bên gia đình nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên có những lời nói hành động gây ức chế cho nhau, chị T dành quá nhiều thời gian cho các hoạt động từ thiện, đi chùa, tụng kinh niệm phật, thiện nguyện có xu hướng đi tu và chị T khó tính, ngang bướng, bảo thủ, cố chấp hay suy diễn, bản thân anh D và hai bên gia đình đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng không thành công. Chính vì vậy trong những lúc nóng giận anh D cũng có một số lời nói và hành động chưa chuẩn mực. Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh và chị T đã được hai bên gia đình tham gia ý kiến đóng góp tuy nhiên kết quả vẫn không khả quan hơn hiện nay anh D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn đủ lớn để tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa. Nay chị T quyết tâm xin ly hôn anh D đồng ý thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh D trình bày vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Cao M, sinh ngày 16/7/2007 và Nguyễn Đức N, sinh ngày 08/02/2012, khi ly hôn nguyện vọng của anh D nếu được đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi cả hai con chung còn nếu chị T không đồng ý anh D đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị T mỗi người được nuôi 01 con chung cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi có khả năng lao động.

Về nghĩa vụ cấp Dưỡng nuôi con chung: Anh D đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu chị T phải có trách nhiệm cấp Dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống anh và chị T có tài sản chung là gồm: 01 diện tích đất 100m² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất 01 căn nhà 02 tầng diện tích sử dụng 160m², địa chỉ thửa đất tại thôn 1A, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chị Cao Thị Phương T, ngoài các tài sản trên vợ chồng không còn loại tài sản chung nào khác. Tại phiên tòa anh D trình bày khi ly hôn để anh và chị T tự thỏa thuận giải quyết với nhau nếu sau này không được sẽ có đơn đề nghị Tòa án giải quyết sau.

- Về vay nợ chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có vay nợ chung của hai bên gia đình tổng số tiền là 255.000.000 đồng, khi ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết mà để anh và chị T tự thỏa thuận giải quyết với nhau.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Cao Thị Phương T và anh Nguyễn Thế D đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, Kiểm sát viên đề nghị Tòa án căn cứ Điều 28; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận

yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về con chung: Ciao 02 con chung tên Nguyễn Cao M, sinh ngày 16/7/2007 và Nguyễn Đức N, sinh ngày 08/02/2012, cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Cao Thị Phương T buộc anh Nguyễn Thế D cấp Dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 3.000.000 đồng, kể từ tháng 10/2020 cho đến khi từng con chung trưởng thành đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; Về tài sản chung và vay nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất để hai bên tự thỏa thuận giải quyết, nếu sau này không được sẽ có đơn đề nghị Tòa án giải quyết sau, nên kiểm sát viên không đề cập giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Bản sao Giấy khai sinh của con; bản sao Giấy chứng M nhân dân; bản sao Sổ hộ khẩu gia đình; Bản chính Giấy chứng nhận kết hôn; Bản tự khai; Bản trình bày nguyện vọng của con chung; Các tài liệu, chứng cứ chứng M thu nhập của chị Cao Thị Phương T; Biên bản xác M tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Cao Thị Phương T và anh Nguyễn Thế D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 33, quyển số 01/2004, đăng ký ngày 04/10/2004 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và căng thẳng. Tài liệu, chứng cứ thể hiện chị T và anh D đều có thu nhập ổn định, chị T là giáo viên, anh D là giảng viên trong quân đội hai vợ chồng trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, lối sống và không thông cảm thấu hiểu lẫn nhau nên dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách và không thể hàn gắn được, mặc dù mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh D đã được gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện, mặc dù hiện nay cả hai vẫn đang sống chung cùng nhà nhưng đã sống ly thân, không còn quan tâm nhau. Điều đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh D đã kéo dài và trầm trọng, khả năng vợ chồng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Cao Thị Phương T khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Nguyễn Thế D không còn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Thế D, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Nguyễn Thế D không mong muốn ly hôn vì anh còn tình cảm với chị T và vì các con anh D mong muốn chị T suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái, nếu chị T vẫn quyết tâm xin ly hôn anh D đồng ý thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn giữa chị Cao

Thị Phương T và anh Nguyễn Thế D là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Cao Thị Phương T và anh Nguyễn Thế D.

[2] Về con chung

- Chị T và anh D thống nhất trình bày quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Cao M, sinh ngày 16/7/2007 và Nguyễn Đức N, sinh ngày 08/02/2012. Khi ly hôn chị T và anh D đều có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, nếu không được anh D đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật để mỗi người nuôi 01 con, anh D xin được nuôi con chung tên Nguyễn Cao M, chị T nuôi con chung tên Nguyễn Đức N. Chị T không đồng ý vẫn giữ quan điểm đề nghị được nuôi cả hai con chung và trình bày trong quá trình chung sống kể từ khi kết hôn đến nay anh D vì điều kiện công tác thường xuyên vắng nhà và chỉ có mặt tại nhà vào hai ngày cuối tuần, nên việc nuôi Dồng, chăm sóc các con chủ yếu do chị T và có sự hỗ trợ của ông bà ngoại trong việc đưa đón các con đi học nên các con đã quen với cuộc sống bên cạnh luôn có chị chăm sóc nếu để anh D đưa con đến sống ở môi trường mới hoàn toàn xa lạ sẽ ảnh hưởng đến tâm lý, tình cảm cũng như việc học tập của con chung. Anh D thừa nhận vì điều kiện công tác phải xa nhà nhưng khi có thời gian anh dành hết cho gia đình và các con những ngày cuối tuần được ở nhà anh cũng đã cố gắng quan tâm dành thời gian chăm sóc con nhiều hơn chị T nên xét về mức thu nhập và thời gian anh có đủ điều kiện để nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi Dồng, giáo dục con chưa thành niên. Xét việc nuôi Dồng, chăm sóc con chung giữa chị T và anh D không thỏa thuận được. Do đó Hội đồng xét xử xét, cần giao con cho một bên nuôi để ổn định cuộc sống, học tập. Căn cứ tài liệu xác M tại địa phương thể hiện điều kiện kinh tế và khả năng nuôi Dồng, chăm sóc con chung của chị T và anh D là như nhau, anh D cho rằng chị T không đủ điều kiện nuôi con nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chứng M. Mặt khác các con tên Nguyễn Cao M và Nguyễn Đức N đều có nguyện vọng muốn được ở cùng mẹ. Như vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con, nên Hội đồng xét xử giao cho chị T trực tiếp nuôi hai con chung tên Nguyễn Cao M, sinh ngày 16/7/2007 và Nguyễn Đức N, sinh ngày 08/02/2012 là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nghĩa vụ cấp Dồng nuôi con chung: Tại phiên tòa chị T đề nghị được nuôi cả hai con chung và yêu cầu anh D có nghĩa vụ cấp Dồng nuôi con chung từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng/tháng, anh D đề nghị được nuôi con và không đồng ý cấp Dồng nuôi con chung cùng chị T. Xét yêu cầu cấp Dồng nuôi con chung của chị T là phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc anh Nguyễn Thế D phải có nghĩa vụ cấp Dồng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 3.000.000 đồng, kể từ tháng 10/2020 cho đến khi từng con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, có

khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và vay nợ chung

Chị T và anh D thống nhất trình bày vợ chồng có tài sản chung nhưng để hai bên tự thỏa thuận giải quyết, nếu không xong sẽ có đơn đề nghị Tòa án giải quyết sau. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung và vay nợ chung trong vụ án này.

[5] Về án phí

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, nguyên đơn chị Cao Thị Phương T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật, bị đơn anh Nguyễn Thế D phải nộp án phí cấp Dưỡng nuôi con chung sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử :

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Cao Thị Phương T và anh Nguyễn Thế D.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Cao M, sinh ngày 16/7/2007 và Nguyễn Đức N, sinh ngày 08/02/2012, cho chị T trực tiếp nuôi Dưỡng, chăm sóc đến khi từng con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Anh Nguyễn Thế D phải cấp Dưỡng nuôi con chung cùng chị Cao Thị Phương T mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ tháng 10 năm 2020 cho đến khi từng con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Cao Thị Phương T (người được thi hành án) đối với khoản tiền cấp Dưỡng nuôi con chung cho đến khi thi hành án xong, anh Nguyễn Thế D (bên thi hành án) chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành thì anh Nguyễn Thế D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Chị Cao Thị Phương T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nay được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai

thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002008, ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T thành phố Hải Phòng. Chị Cao Thị Phương T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Nguyễn Thế D phải nộp 300.000 đồng án phí cấp Đồng nuôi con chung sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã L, h. T,
thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mến

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Phạm Công Hạ – Bùi Đình Hùng

Lê Thị Sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Kiền Bái, huyện T, TP Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sự

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Kỳ Sơn, huyện T, TP Hải Phòng;
- Đương sự;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khúc Trọng Quang

- Lưu hồ sơ vụ án.

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ
NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Thuỷ Nguyên, ngày 12 tháng 8 năm
2016*

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI
PHÒNG**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Khúc Trọng Quang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Văn Mạnh

2. Ông Hoàng Đắc Hân

Vào hồi 15 giờ 30 phút ngày 12 tháng 8 năm 2016, tại phòng nghị án Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án thụ lý số 266/2016/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2016 về việc “Ly hôn”giữa:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Tính, sinh năm 1993; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 6, xã Liên Khê, huyện T, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Thôn Niêm Ngoại, xã Kỳ Sơn, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Bị đơn: Anh Đỗ Văn Tùng, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn 6, xã Liên Khê, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

1.Về điều luật áp dụng:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 2 Điều 227; 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009,

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về nội dung vụ án: Xử :

- Chị Đỗ Thị Tính được ly hôn anh Đỗ Văn Tùng
- Về con chung: Chị Đỗ Thị Tính và anh Đỗ Văn Tùng không có con chung và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết
- Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị Tính và anh Đỗ Văn Tùng không có tài chung và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Về các vấn đề khác:

- Về án phí: Chị Đỗ Thị Tính phải nộp 200.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000057 ngày 26 tháng 5 năm 2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T thành phố Hải Phòng. Chị Đỗ Thị Tính đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.
- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Kết quả biểu quyết: 3/3

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN
TÒA**

Hoàng Đắc Hân - Đỗ Văn Mạnh

Khúc Trọng Quang

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN
TOÀ**

Khúc Trọng Quang

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN
TOÀ**

Trần Hữu Văn – Đào Hữu Dự

Khúc Trọng Quang

Nơi nhận:

- TAND Tp Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã (TT) nơi thực hiện việc ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khúc Trọng Quang

